

Số: 1028/TB-TCKH

Vinh Hung, ngày 7 tháng 11 năm 2023

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Điều 56 Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp Hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 4736/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của UBND huyện Vinh Hung phê duyệt giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất thuộc Cụm dân cư Trung Trục (phần còn lại), xã Thái Bình Trung;

Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Vinh Hung thông báo về việc lựa chọn tổ chức thực hiện đấu giá các loại tài sản như sau:

1. Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá:

Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Vinh Hung, địa chỉ: Khu phố Măng Đa, thị trấn Vinh Hung, huyện Vinh Hung, tỉnh Long An.

2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng và giá khởi điểm của tài sản đấu giá:

- Quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất thuộc Cụm dân cư Trung Trục (phần còn lại), xã Thái Bình Trung: 56 lô.

+ Loại đất: Đất ở tại nông thôn (ONT).

+ Vị trí khu đất: xã Thái Bình Trung, huyện Vinh Hung, tỉnh Long An.

+ Mục đích sử dụng đất: Xây dựng nhà ở.

+ Hình thức giao đất: Đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất.

- Giá khởi điểm của tài sản đấu giá

STT	Số thửa	Tờ bản đồ	Mục đích sử dụng đất	Lô số	Khu	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
1	2633	3	ONT	1	C	98,0	3.474.000	340.452.000
2	2634	3	ONT	2	C	100,0	3.300.000	330.000.000
3	2664	3	ONT	3	C	100,0	3.300.000	330.000.000

4	2663	3	ONT	4	C	100,0	3.300.000	330.000.000
5	2662	3	ONT	5	C	100,0	3.300.000	330.000.000
6	2661	3	ONT	6	C	100,0	3.300.000	330.000.000
7	2665	3	ONT	7	C	100,0	3.300.000	330.000.000
8	2666	3	ONT	8	C	100,0	3.300.000	330.000.000
9	2667	3	ONT	9	C	100,0	3.300.000	330.000.000
10	2668	3	ONT	10	C	100,0	3.300.000	330.000.000
11	2669	3	ONT	11	C	100,0	3.300.000	330.000.000
12	2707	3	ONT	12	C	100,0	3.300.000	330.000.000
13	2706	3	ONT	13	C	100,0	3.300.000	330.000.000
14	2705	3	ONT	14	C	100,0	3.300.000	330.000.000
15	2704	3	ONT	15	C	100,0	3.300.000	330.000.000
16	2708	3	ONT	16	C	100,0	3.300.000	330.000.000
17	2709	3	ONT	17	C	100,0	3.300.000	330.000.000
18	2710	3	ONT	18	C	100,0	3.300.000	330.000.000
19	2711	3	ONT	19	C	100,0	3.300.000	330.000.000
20	2712	3	ONT	20	C	100,0	3.300.000	330.000.000
21	2762	3	ONT	21	C	100,0	3.300.000	330.000.000
22	2761	3	ONT	22	C	100,0	3.300.000	330.000.000
23	2760	3	ONT	23	C	100,0	3.300.000	330.000.000
24	2759	3	ONT	24	C	100,0	3.300.000	330.000.000
25	2635	3	ONT	25	C	98,0	3.474.000	340.452.000
26	2636	3	ONT	26	C	100,0	3.300.000	330.000.000

27	2637	3	ONT	27	C	100,0	3.300.000	330.000.000
28	2638	3	ONT	28	C	100,0	3.300.000	330.000.000
29	2660	3	ONT	29	C	100,0	3.300.000	330.000.000
30	2659	3	ONT	30	C	100,0	3.300.000	330.000.000
31	2658	3	ONT	31	C	100,0	3.300.000	330.000.000
32	2657	3	ONT	32	C	100,0	3.300.000	330.000.000
33	2670	3	ONT	33	C	100,0	3.300.000	330.000.000
34	2671	3	ONT	34	C	100,0	3.300.000	330.000.000
35	2672	3	ONT	35	C	100,0	3.300.000	330.000.000
36	2673	3	ONT	36	C	100,0	3.300.000	330.000.000
37	2674	3	ONT	37	C	100,0	3.300.000	330.000.000
38	2703	3	ONT	38	C	100,0	3.300.000	330.000.000
39	2702	3	ONT	39	C	100,0	3.300.000	330.000.000
40	2701	3	ONT	40	C	100,0	3.300.000	330.000.000
41	2700	3	ONT	41	C	100,0	3.300.000	330.000.000
42	2713	3	ONT	42	C	100,0	3.300.000	330.000.000
43	2714	3	ONT	43	C	100,0	3.300.000	330.000.000
44	2715	3	ONT	44	C	100,0	3.300.000	330.000.000
45	2716	3	ONT	45	C	100,0	3.300.000	330.000.000
46	2717	3	ONT	46	C	100,0	3.300.000	330.000.000
47	2758	3	ONT	47	C	100,0	3.300.000	330.000.000
48	2757	3	ONT	48	C	100,0	3.300.000	330.000.000
49	2763	3	ONT	49	C	101,5	3.474.000	352.611.000

50	2764	3	ONT	50	C	103,0	3.300.000	339.900.000
51	2756	3	ONT	51	C	103,0	3.300.000	339.900.000
52	2766	3	ONT	52	C	103,0	3.300.000	339.900.000
53	2767	3	ONT	53	C	103,0	3.300.000	339.900.000
54	2768	3	ONT	54	C	103,0	3.300.000	339.900.000
55	2756	3	ONT	55	C	103,0	3.300.000	339.900.000
56	2755	3	ONT	56	C	101,5	3.474.000	352.611.000
TỔNG CỘNG								18.605.526.000

(Sáu tỷ, bốn trăm bốn mươi lăm triệu, bốn trăm mười tám ngàn đồng)

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

a) Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá.

b) Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả.

c) Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản

- Hồ sơ pháp lý (Bản sao có chứng thực gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập, chứng chỉ hành nghề đấu giá hoặc thẻ đấu giá viên).

- Quy mô, số lượng chi nhánh (nếu có).

- Kinh nghiệm trong lĩnh vực đấu giá tài sản.

d) Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp: Chào giá không vượt mức quy định tại Thông tư 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 và Thông tư 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính.

đ) Là tổ chức đấu giá có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố;

e) Các tiêu chí khác:

- Thực hiện việc ký kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, phối hợp ký, bàn giao biên bản đấu giá tài sản cho khách hàng và cho người có tài sản đúng thời gian quy định....

- Thực hiện tự chấm điểm theo Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản tại Phụ lục số I kèm theo thông báo này.

Thời gian nhận hồ sơ: Trong vòng 3 ngày làm việc bắt đầu từ **7 giờ 30 phút 07/11/2023 đến 16 giờ 30 phút ngày 09/11/2023** kết thúc việc nhận hồ sơ (Hồ sơ nhận trực tiếp, không nhận qua đường bưu điện).

- Địa điểm nộp hồ sơ: Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Vĩnh Hưng.
Địa chỉ: Số 01, đường 30/4, thị trấn Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Điện thoại liên hệ: 0272.3847.560.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- UBND huyện “hỗ trợ thông báo lên trang thông tin điện tử”;
- Niêm yết tại Phòng TC-KH;
- Website dgts.moj.gov.vn/;
- Lưu: VT_{T.H.}

**KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Hồ Minh Cần



PHỤ LỤC I



BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
(Kèm theo Thông báo số 10/2023/TB-TCKH ngày 07/11/2023 của Phòng Tài chính – Kế hoạch)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3,0
6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0

1	Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5	6,0
1.1	Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)	2,0
1.2	Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng	3,0
1.3	Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng	4,0
1.4	Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng	5,0
1.5	Từ 30 hợp đồng trở lên	6,0
2	Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5	18,0
2.1	Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)	10,0
2.2	Từ 20% đến dưới 40%	12,0
2.3	Từ 40% đến dưới 70%	14,0
2.4	Từ 70% đến dưới 100%	16,0
2.5	Từ 100% trở lên	18,0
3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3	5,0
3.1	Dưới 03 năm	3,0
3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4,0
3.3	Từ 05 năm trở lên	5,0
4	So lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3	3,0
4.1	01 đấu giá viên	1,0
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số	4,0



	05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản)	
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3	
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng	5,0
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4	
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2,0
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3,0
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động	3,0
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2	
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2,0
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp	5,0
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3	
1	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	4,0
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	5,0
Tổng số điểm		100
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1	Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện

2	<i>Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Không đủ điều kiện</i>
---	---	---------------------------

